

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

BAN GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị của Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Đăng Khoa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Trọng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Bá	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trọng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Song	Phó Giám đốc
Ông Phan Tiến Dũng	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Bá
Giám đốc

Bắc Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 16.02/2017/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 23 tháng 02 năm 2017, từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn

Tài chính Quốc tế

Ngày 23 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2013-072-01

10/01/2017
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.586.677.510	53.057.183.239
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.631.144.794	11.815.904.026
1. Tiền	111		9.631.144.794	6.730.551.098
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.085.352.928
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.183.593.103	39.287.280.737
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	32.940.182.478	38.786.601.694
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		403.109.834	84.303.185
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	7.129.689.772	2.132.846.242
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(2.289.388.981)	(1.716.470.384)
III. Hàng tồn kho	140		2.771.939.613	1.953.998.476
1. Hàng tồn kho	141	V.5	2.771.939.613	1.953.998.476
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.424.138.968	12.413.657.308
I. Tài sản cố định	220		8.483.732.515	9.546.793.881
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	8.483.732.515	9.546.793.881
- Nguyên giá	222		21.559.375.581	21.551.163.009
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.075.643.066)	(12.004.369.128)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		159.709.091	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	159.709.091	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.780.697.362	2.866.863.427
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	2.780.697.362	2.866.863.427
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		62.010.816.478	65.470.840.547

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		43.556.292.204	48.970.840.547
I. Nợ ngắn hạn	310		43.556.292.204	48.970.840.547
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	21.321.852.998	13.773.018.188
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	497.500.000	572.272.441
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	3.021.827.041	3.058.267.402
4. Phải trả người lao động	314		14.204.705.699	12.185.626.755
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	4.417.830.712	18.184.600.065
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	27.830.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		92.575.754	1.169.225.696
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.454.524.274	16.500.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	18.454.524.274	16.500.000.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		16.500.000.000	16.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.500.000.000	16.500.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.954.524.274	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.954.524.274	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		62.010.816.478	65.470.840.547

Đào Thị Minh Hương

Hà Huy Tâm



Đào Thị Minh Hương
Người lập biểu
Ngày 23 tháng 02 năm 2017

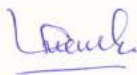
Hà Huy Tâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Bá
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		130.150.888.784	118.468.175.649
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	130.150.888.784	118.468.175.649
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	112.659.421.636	102.388.257.680
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.491.467.148	16.079.917.969
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	475.060.938	575.160.265
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	15.546.893.754	15.354.875.968
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.419.634.332	1.300.202.266
11. Thu nhập khác	31	VI.5	272.720.637	3.449.431.415
12. Chi phí khác	32	VI.6	245.971.720	3.402.458.688
13. Lợi nhuận khác	40		26.748.917	46.972.727
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.446.383.249	1.347.174.993
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	491.858.975	296.378.499
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.954.524.274	1.050.796.494
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.185	-



Đào Thị Minh Hương
Người lập biểu
Ngày 23 tháng 02 năm 2017



Hà Huy Tâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bá
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	154.804.707.680	114.011.483.594
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(66.646.663.572)	(33.463.568.256)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(59.068.602.441)	(56.475.738.273)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	(1.219.123.773)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(566.165.471)	(510.094.557)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	23.335.772.974	3.885.568.350
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(54.233.569.278)	(31.208.844.148)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.374.520.108)	(4.980.317.063)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(285.300.062)	(30.998.182)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	475.060.938	570.726.608
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	189.760.876	539.728.426
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	5.220.694.851
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(3.117.072.756)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	2.103.622.095
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.184.759.232)	(2.336.966.542)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.815.904.026	14.152.870.568
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	9.631.144.794	11.815.904.026

Đào Thị Minh Hương

Đào Thị Minh Hương
Người lập biểu
Ngày 23 tháng 02 năm 2017

Hà Huy Tâm

Hà Huy Tâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bá
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Quản lý Đường sắt Hà Lạng - đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 868/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17 tháng 04 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2400152522 ngày 14 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400152522 thay đổi lần thứ ba ngày 30 tháng 12 năm 2015, Công ty chuyển đổi loại hình từ “Công ty TNHH Một thành viên” thành loại hình “Công ty cổ phần” với vốn điều lệ là 16.500.000.000 đồng (Mười sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty: Số 6 Nguyễn Khắc Nhu, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Tổng số nhân viên trong danh sách của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 847 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.056 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ

Dịch vụ thi công xây dựng công trình về giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng, công nghiệp; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ và đường thủy; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt; Kinh doanh vận tải đường bộ; Hoạt động dịch vụ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ và đường thủy; Dịch vụ bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, đường thủy; Dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô; Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng; Tư vấn giám sát thi công công trình; Tư vấn giám sát thi công công trình; Tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; Lập, thẩm tra xây dựng dự án xây dựng; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, đường bộ, đường thủy, trang bị dụng cụ lao động; Đầu tư kinh doanh bất động sản; Tổ chức bán đấu giá tài sản; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; Kinh doanh thuốc; Dịch vụ tiêm chủng; Trang thiết bị y tế; Dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động; Kinh doanh xuất nhập khẩu; Dịch vụ thu gom hàng lẻ nội địa; Kinh doanh xăng dầu; Khai thác khoáng sản; Sản xuất đồ gỗ xây dựng và dân dụng; May trang phục; Hợp tác liên doanh, liên kết với các tổ chức Trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để thực hiện các mục đích kinh doanh để tìm kiếm lợi nhuận; và các nhiệm vụ kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng gồm:

Đơn vị

Văn phòng Công ty

Đơn vị trực thuộc

Chi nhánh Xây dựng công trình Bắc Giang

Địa chỉ

Số 6 Nguyễn Khắc Nhu, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ

Số 6 Nguyễn Khắc Nhu, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 35
Máy móc và thiết bị	07 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phần mềm kế toán và giá trị thương hiệu được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm đối với công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, phần mềm kế toán và trong vòng 10 năm đối với giá trị thương hiệu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

RA
K
U

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	68.003.948	148.604.154
Tiền gửi ngân hàng	9.563.140.846	6.581.946.944
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	-	5.085.352.928
Cộng	9.631.144.794	11.815.904.026

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	32.940.182.478	38.786.601.694
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	14.378.423.019	19.176.962.287
Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc - Công ty Cảng	3.314.466.000	-
Công ty Xây dựng công trình và đầu tư 120	2.506.956.200	2.706.956.200
Các khoản phải thu khách hàng khác	12.740.337.259	16.902.683.207
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VII.2)	19.284.083.519	22.039.170.208

3. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Phải thu khác ngắn hạn	7.129.689.772	2.132.846.242
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	3.679.179.328	139.772.883
Tạm ứng	1.767.445.495	462.545.000
Phải thu bảo hiểm của người lao động	425.560.484	348.251.580
Phải thu Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	901.859.400	901.859.400
Phải thu khác	355.645.065	280.417.379
b. Phải thu khác các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VII.2)	901.859.400	901.859.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Nợ xấu

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị VND có thể thu hồi	Dự phòng VND	Giá trị VND có thể thu hồi
Phải thu khách hàng				
UBND Thành phố Bắc Giang	349.727.115	349.727.115	244.808.981	349.727.115
Công ty TNHH Hương Tâm	119.167.000	119.167.000	119.167.000	119.167.000
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng 121 - Cienco1	1.925.413.000	1.925.413.000	1.925.413.000	2.098.498.000
Cộng	2.394.307.115	2.394.307.115	2.289.388.981	2.567.392.115

5. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.650.959.300	-	-	892.333.329
Công cụ, dụng cụ	99.053.106	-	-	100.301.959
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.021.927.207	-	-	961.363.188
Cộng	2.771.939.613	-	-	1.953.998.476

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2016	12.661.287.879	4.198.519.627	4.179.621.274	396.599.229	115.135.000	21.551.163.009
Mua trong năm	-	-	-	153.640.000	-	153.640.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	266.774.607	-	-	-	-	266.774.607
Giảm do điều chuyển về Tổng Công ty khi thực hiện cổ phần hóa (*)	(42.266.297)	(369.935.738)	-	-	-	(412.202.035)
Tại ngày 31/12/2016	12.885.796.189	3.828.583.889	4.179.621.274	550.239.229	115.135.000	21.559.375.581
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2016	6.803.966.901	2.496.242.664	2.436.699.657	231.595.780	35.864.126	12.004.369.128
Khấu hao trong năm	674.723.785	361.342.428	373.303.388	55.951.372	18.155.000	1.483.475.973
Giảm do điều chuyển về Tổng Công ty khi thực hiện cổ phần hóa (*)	(42.266.297)	(369.935.738)	-	-	-	(412.202.035)
Tại ngày 31/12/2016	7.436.424.389	2.487.649.354	2.810.003.045	287.547.152	54.019.126	13.075.643.066
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2016	5.857.320.978	1.702.276.963	1.742.921.617	165.003.449	79.270.874	9.546.793.881
Tại ngày 31/12/2016	5.449.371.800	1.340.934.535	1.369.618.229	262.692.077	61.115.874	8.483.732.515

(*) Trong năm 2016, Công ty thực hiện trả một số tài sản về cho Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam theo quyết định số 1428/QĐ-ĐS ngày 31 tháng 03 năm 2016 về việc điều chuyển tài sản liên quan đến công tác cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 70.500.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 482.702.035 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nâng cấp sửa chữa nhà điều hành công ty	159.709.091	-
Cộng	159.709.091	-

8. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phần mềm kế toán	46.200.000	-
Giá trị thương hiệu	2.089.081.716	2.321.201.907
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	645.415.646	545.661.520
Cộng	2.780.697.362	2.866.863.427

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Doanh nghiệp tư nhân Xuân Trường	490.000.000	490.000.000
Bảo hiểm xã hội Thành phố Bắc Giang	-	82.272.441
Cục đường sắt Việt Nam	7.500.000	-
Cộng	497.500.000	572.272.441

10. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Phải trả khác ngắn hạn	4.417.830.712	18.184.600.065
Kinh phí công đoàn	-	22.318.193
Bảo hiểm xã hội	169.685.394	476.907.867
Phải trả về cổ phần hoá	655.427.283	4.095.127.811
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.592.718.035	13.590.246.194
- Giá trị vật tư thu hồi	1.100.396.889	1.125.339.024
- Chênh lệch giá vật tư thu hồi	-	151.297.529
- Phải trả Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.602.443.888	8.710.545.040
- Nhận nợ khấu hao trả về Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	3.172.150.634
- Các khoản phải trả khác	889.877.258	430.913.967
b. Phải trả khác các bên liên quan	1.602.443.888	11.882.695.674

(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VII.2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
11. Phải trả người bán ngắn hạn				
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	4.578.335.273	4.578.335.273	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thiết bị và Xây lắp điện Minh Thành	2.002.030.488	2.002.030.488	-	-
Công ty TNHH Vận tải Việt Chiến	-	-	1.024.999.471	1.024.999.471
Công ty Cổ phần Đầu tư Công trình Hà Nội	3.126.338.785	3.126.338.785	1.020.189.335	1.020.189.335
Công ty TNHH Trang Khoa	-	-	3.871.753.980	3.871.753.980
Phải trả nhà cung cấp khác	11.615.148.452	11.615.148.452	7.856.075.402	7.856.075.402
Cộng	21.321.852.998	21.321.852.998	13.773.018.188	13.773.018.188
	5.244.750.064	5.244.750.064	850.113.072	850.113.072
b. Phải trả người bán các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VII.2)				
12. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	2.923.089.093	8.420.788.432	8.371.854.372	2.874.155.033
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.588.664	491.858.975	566.165.471	163.895.160
Thuế thu nhập cá nhân	9.149.284	60.567.541	51.418.257	-
Thuế đất	-	414.134.390	414.134.390	-
Thuế khác	-	134.777.575	154.994.784	20.217.209
Cộng	3.021.827.041	9.522.126.913	9.558.567.274	3.058.267.402

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÀU SỐ B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Vốn chủ sở hữu	a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng
		VND	VND		VND	VND	
	Số dư tại ngày 01/01/2015	12.023.820.999	1.356.041.085	-	-	13.379.862.084	
	Vốn góp tăng trong năm	4.476.179.001	-	-	-	4.476.179.001	
	Lãi trong năm	-	-	-	1.050.796.494	1.050.796.494	
	Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.050.796.494)	(1.050.796.494)	
	Tăng khác	5.815.871.745	-	-	-	5.815.871.745	
	Giảm khác	(5.815.871.745)	(1.356.041.085)	-	-	(7.171.912.830)	
	Số dư tại ngày 31/12/2015	16.500.000.000	-	-	-	16.500.000.000	
	Lãi trong năm	-	-	-	1.954.524.274	1.954.524.274,00	
	Số dư tại ngày 31/12/2016	16.500.000.000	-	-	1.954.524.274	18.454.524.274	

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Vốn góp VND	Tỷ lệ %	Vốn góp VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	8.415.000.000	51%	8.415.000.000	51%
Cổ đông khác	8.085.000.000	49%	8.085.000.000	49%
Cộng	16.500.000.000	100%	16.500.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Cổ phiếu

	<u>31/12/2016</u> Cổ phần	<u>01/01/2016</u> Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.650.000	1.650.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.650.000	1.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.650.000	1.650.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2016</u> VND	<u>Năm 2015</u> VND
Hoạt động sửa chữa thường xuyên định kỳ kết cấu hạ tầng đường sắt	107.778.895.658	97.800.934.830
Hoạt động xây lắp liên quan đến kết cấu hạ tầng đường sắt	22.371.993.126	20.667.240.819
Cộng	<u>130.150.888.784</u>	<u>118.468.175.649</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2016</u> VND	<u>Năm 2015</u> VND
Hoạt động sửa chữa thường xuyên định kỳ kết cấu hạ tầng đường sắt	92.525.727.453	83.261.483.834
Hoạt động xây lắp liên quan đến kết cấu hạ tầng đường sắt	20.133.694.183	19.126.773.846
Cộng	<u>112.659.421.636</u>	<u>102.388.257.680</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	475.060.938	575.160.265
Cộng	475.060.938	575.160.265

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.007.877.197	8.758.877.430
Chi phí vật liệu quản lý	970.697.719	419.238.801
Khấu hao tài sản cố định	255.916.736	141.418.624
Thuế, phí, lệ phí	417.134.390	397.244.230
Chi phí dịch vụ mua ngoài	650.383.569	1.096.911.246
Chi phí bằng tiền khác	2.671.965.546	2.824.715.253
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	572.918.597	1.716.470.384
Cộng	15.546.893.754	15.354.875.968

5. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập từ hoạt động nghiên cứu khoa học	76.190.476	836.190.476
Thu nhập từ tháo dỡ nhánh ĐS Ưông Bí A	-	2.157.964.599
Thu nhập khác	196.530.161	455.276.340
Cộng	272.720.637	3.449.431.415

6. Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí hoạt động nghiên cứu khoa học	76.190.476	836.190.476
Chi phí tháo dỡ nhánh ĐS Ưông Bí A	-	2.157.964.599
Chi phí khác	169.781.244	408.303.613
Cộng	245.971.720	3.402.458.688

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.446.383.249	1.347.174.993
Chi phí không được trừ	12.911.628	-
Thu nhập tính thuế	2.459.294.877	1.347.174.993
Thuế suất	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	491.858.975	296.378.499

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.954.524.274
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.954.524.274
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.650.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.185

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400152522 thay đổi lần thứ ba ngày 30 tháng 12 năm 2015, Công ty chuyển đổi loại hình từ “Công ty TNHH Một thành viên” thành loại hình “Công ty cổ phần” từ ngày 30 tháng 12 năm 2016. Do đó chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu chỉ được tính toán và trình bày từ năm 2016.

Điều lệ hoạt động và quy chế tài chính của Công ty không quy định cụ thể về việc phải trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Đồng thời, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa đến kỳ tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Theo đó, Công ty không ước tính quỹ khen thưởng phúc lợi cần trích lập khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

9. Chi phí theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.047.812.247	18.296.792.974
Chi phí nhân công	70.874.880.431	67.908.081.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.389.434.031	4.387.237.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.459.905.718	9.683.290.492
Chi phí khác bằng tiền	3.089.099.936	14.122.548.308
Cộng	124.861.132.363	114.397.950.621

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	9.631.144.794	11.815.904.026
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	18.454.524.274	16.500.000.000
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%	0,00%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.631.144.794	11.815.904.026
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.333.858.446	39.063.204.669
Các khoản ký quỹ	3.679.179.328	139.772.883
Cộng	45.644.182.568	51.018.881.578
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	25.739.683.710	31.957.618.253
Cộng	25.739.683.710	31.957.618.253

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

12
3
M
Đ
Á
I
S
T
N

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.631.144.794	-	-	9.631.144.794
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.333.858.446	-	-	32.333.858.446
Các khoản ký quỹ	3.679.179.328	-	-	3.679.179.328
Cộng	45.644.182.568	-	-	45.644.182.568
31/12/2016				
Phải trả người bán và phải trả khác	25.739.683.710	-	-	25.739.683.710
Cộng	25.739.683.710	-	-	25.739.683.710
Chênh lệch thanh khoản thuần	19.904.498.858	-	-	19.904.498.858
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.815.904.026	-	-	11.815.904.026
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.063.204.669	-	-	39.063.204.669
Các khoản ký quỹ	139.772.883	-	-	139.772.883
Cộng	51.018.881.578	-	-	51.018.881.578
01/01/2016				
Phải trả người bán và phải trả khác	31.957.618.253	-	-	31.957.618.253
Cộng	31.957.618.253	-	-	31.957.618.253
Chênh lệch thanh khoản thuần	19.061.263.325	-	-	19.061.263.325

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Thông tin các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Công trình 6	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đá Đồng Mò	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị đường sắt	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Cùng Tổng Công ty

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Bán hàng	115.790.692.145	98.346.389.375
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	109.343.378.385	97.800.934.830
Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội	5.331.030.000	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	635.218.260	545.454.545
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3	75.865.500	-
Công ty Cổ phần Công trình 6	405.200.000	-
Mua hàng	7.006.316.792	7.611.801.346
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	4.162.122.975	4.840.790.688
Công ty Cổ phần Đá Đồng Mò	1.054.209.500	568.168.500
Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	63.256.230	117.715.500
Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội	1.036.948.000	515.214.000
Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội - Chi nhánh Toa xe hàng	63.500.000	128.500.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị đường sắt	17.500.000	14.850.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị Đường sắt - Xí nghiệp Vật tư và Dịch vụ Thanh Hóa	589.542.420	1.041.435.437
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị Đường sắt - Xí nghiệp Cơ khí Đông Anh	6.602.212	385.127.221
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	12.635.455	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Thông tin các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	19.284.083.519	22.039.170.208
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	14.378.423.019	19.176.962.287
Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội	2.829.750.000	-
Công ty Cổ phần Viễn thông tín hiệu đường sắt	1.237.507.000	1.337.507.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	368.844.000	768.844.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	300.000.000	755.856.921
Công ty Cổ phần Công trình 6	169.559.500	-
Phải thu khác	901.859.400	901.859.400
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	901.859.400	901.859.400
Các khoản phải trả người bán	5.244.750.064	850.113.072
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	4.578.335.273	-
Công ty Cổ phần Đá Đồng Mỏ	479.195.773	494.542.973
Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	69.581.853	104.029.548
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội - Chi nhánh Toa xe hàng	39.850.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị đường sắt	19.250.000	16.335.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị đường sắt - Xí nghiệp Vật tư và Dịch vụ Thanh Hóa	37.375.732	127.705.941
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị đường sắt - Xí nghiệp Cơ khí Đông Anh	7.262.433	107.499.610
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	13.899.000	-
Các khoản phải trả khác	1.602.443.888	11.882.695.674
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	1.602.443.888	11.882.695.674
Thu nhập của Ban Giám đốc		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lương	1.281.390.000	1.245.895.892
Cộng	1.281.390.000	1.245.895.892

H.H.H

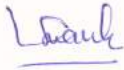
VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.



Đào Thị Minh Hương
Người lập biểu
Ngày 23 tháng 02 năm 2017



Hà Huy Tâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bá
Giám đốc